TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày: 26 -6-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nga.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thanh Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2017/TLST-DS ngày 28/11/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-DS, ngày 25/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn A;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Quang N (T em, Cu em);

Địa chỉ: Số 244 NVL, Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

2. Bà Nguyễn Thị H;

Địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 26-9-2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn A trình bày:*

Giữa ông và bà Nguyễn Thị H có quan hệ bà con họ hàng nên vào cuối năm 2007 biết tin vợ chồng ông bán đất được 20.000.000 đồng, vợ chồng ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị H đến nhà năn nỉ vợ chồng ông cho vay số tiền 15.000.000 đồng để trả nợ tiền bảo hiểm. Ông đồng ý cho vay, lúc vay hai bên có viết giấy vay tiền ngày 28-10-2007, lãi suất thỏa thuận miệng (không lập thành văn bản) 2%/tháng, lãi trả hàng tháng, còn tiền gốc thì khi nào tôi cần thì ông N và bà H phải trả đủ cho tôi, ông N và bà H đều ký tên nhận nợ. Tuy nhiên, ông N không ghi đúng tên thật của mình mà ghi tên là Lê Quang T.

Từ ngày vay tiền, bà H có trả lãi cho ông 02 lần vào tháng 6-2008 và ngày 18-01-2009, mỗi lần bà H trả 1.000.000 đồng, sau đó ông đã đòi nhiều lần nhưng ông N và bà H đều lẫn tránh, không trả thêm tiền lãi và tiền gốc cho ông.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N và bà H phải trả cho ông tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi trước đây ông yêu cầu trả lãi từ tháng 02-2009 đến tháng 10-2017, mỗi tháng 1% là 14.100.000 đồng, nay tại phiên tòa, ông đồng ý cho ông N bà H một phần tiền lãi, chỉ yêu cầu ông N bà H trả 10.000.000 đồng tiền lãi, ông không yêu cầu tính lãi từ tháng 10-2017 đến khi xét xử sơ thẩm. Ông N đồng ý trả cho ông ½ tiền nợ gốc và lãi thì ông đồng ý.

** Theo đơn xin trình bày ngày 12/01/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lê Quang N trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị H sống chung và có con với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Bà H có quan hệ họ hàng với ông Nguyễn A.

Ngày 28-10-2007, ông và bà H có vay của ông An số tiền 15.000.000 đồng, mục đích vay là để cho bà Hiệp làm ăn, ông không nhận tiền và không sử dụng số tiền này, bà H là người nhận tiền và sử dụng số tiền này, bà H cũng lo trả lãi cho ông A, ông hoàn toàn không biết gì về việc trả lãi. Khi viết và ký tên vào giấy vay tiền, ông ghi tên thường gọi của mình là Lê Quang T, thực tế tên T, Cu em và Lê Quang N đều là tên của ông, Lê Quang N là tên khai sinh còn những tên còn lại là tên thường gọi.

Hiện nay ông và bà H không còn chung sống với nhau nữa, một mình ông nuôi hai con, hoàn cảnh hết sức khó khăn, ông thừa nhận nợ chung của ông và bà H và đồng ý trả cho ông A ½ tiền nợ gốc là 7.500.000 đồng, mỗi tháng trả 300.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông xin ông A cho toàn bộ tiền nợ lãi cho ông, nếu ông A không đồng ý cho toàn bộ lãi mà cho một phần như ông A trình bày thì ông đồng ý trả ½ tiền lãi là 5.000.000 đồng, nhưng thời gian trả nợ phải kéo dài hơn.

** Bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, thời hạn gởi văn bản tố tụng, gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn ông Lê Quang N tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Nguyễn Thị H không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N bà H phải trả cho ông A số tiền 25.000.000 đồng; ông N bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho bà H nhưng trong thời hạn luật định, bà H không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Về tiền gốc: Ông N và bà H cùng ký vào giấy vay tiền của ông Nguyễn A số tiền 15.000.000 đồng nên ông N và bà H có nghĩa vụ trả nợ cho ông A số tiền 15.000.000 đồng (mỗi người trả 7.500.000 đồng).

[2.3] Về tiền lãi: Khi khởi kiện, ông A yêu cầu ông N và bà H phải trả tiền lãi từ tháng 02-2009 đến tháng 10-2017 theo mức lãi suất 1%/tháng, tổng cộng là 14.100.000 đồng. Xét việc vay tài sản giữa ông A và ông N bà H là hợp đồng không xác định thời hạn và có lãi nhưng không xác định rõ lãi suất là bao nhiêu, theo quy định tại Điều 476, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005,

Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất là 9%/năm, cụ thể là 15.000.000 đồng x 9%/năm x 104 tháng = 11.700.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa, ông A tự nguyện cho ông N bà H một phần tiền lãi, chỉ yêu cầu ông N bà H trả 10.000.000 đồng tiền lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông A không yêu tính lãi từ tháng 10-2017 đến khi xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tổng cộng ông N bà H có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền 25.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông A đồng ý ông N bà H mỗi người trả ½ tiền nợ gốc và lãi nên buộc ông N bà H mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông A 12.500.000 đồng.

[2.5] Về án phí: Ông Lê Quang N, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng (25.000.000 đồng x 5%).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476, 477 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 91, 144, 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn A số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) (mỗi người trả 12.500.000 đồng (mười hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ông Lê Quang N, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) (mỗi người chịu 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn A 725.000 đồng (bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001853 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng Ánh